

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 327/2017/DS-ST

Ngày: 26-9-2017

V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN X, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phơ

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Kim Em

Bà Nguyễn Kim Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thơm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Yến Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 135/2017/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2017 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 167/2017/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2017/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 169/2017/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP A; địa chỉ trụ sở: đường K, Phường N, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Lê Minh X, sinh năm 1970; Địa chỉ liên lạc: đường CMTT, Phường Y, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 814/UQ-QLN.17 ngày 07/9/2017). (có mặt)

*Bị đơn:*

1/ Ông Dương Đình Đ, sinh năm 1968

2/ Bà Đỗ Thị Mộng T, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: đường L, Khu phố M, phường K, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 03/3/2017; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện như sau:*

Ngày 01/6/2011, Ngân hàng TMCP A (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cấp thẻ tín dụng số 4791392600017905 cho ông Dương Đình Đ và bà Đỗ Thị Mộng T có hạn mức là 50.000.000 đồng, thời hạn 03 năm kể từ ngày 01/6/2011; lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn theo Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng A.

Quá trình sử dụng thẻ, ông Đ và bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 23/3/2015 Ngân hàng chuyển toàn bộ nợ vay sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 26/9/2017 ông Dương Đình Đ và bà Đỗ Thị Mộng T còn nợ ngân hàng số tiền là: 59.008.942 (Năm mươi chín triệu không trăm lẻ tám ngàn chín trăm bốn mươi hai) đồng, gồm nợ gốc là 24.175.785 (Hai mươi bốn triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn bảy trăm tám mươi lăm) đồng, nợ lãi là 34.833.157 (Ba mươi bốn triệu tám trăm ba mươi ba ngàn một trăm năm mươi bảy) đồng. Ngân hàng yêu cầu bị đơn ông Đ và bà T phải trả cho Ngân hàng một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng kể từ ngày 27/9/2017 cho đến khi trả dứt nợ.

*Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận X về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa; nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ những quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: Xét thấy, thỏa thuận của các bên về việc Ngân hàng cấp thẻ tín dụng số 4791392600017905 ngày 01/6/2011 cho ông Đ và bà T với hạn mức 50.000.000 đồng, thời hạn 3 năm kể từ ngày 01/6/2011, thỏa thuận lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số nợ còn thiếu làm một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở nên chấp nhận. Căn cứ các điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A khởi kiện ông Dương Đình Đ và bà Đỗ Thị Mộng T yêu cầu trả nợ vay theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng do hai bên ký kết, nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa hai bên là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn đang cư trú tại Quận X nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét giấy uỷ quyền số Giấy uỷ quyền số 814/UQ-QLN.17 ngày 07/9/2017 của Ngân hàng TMCP A uỷ quyền cho ông Lê Minh X đại diện tham gia tố tụng tại Tòa là hợp lệ nên được chấp nhận.

[4] Căn cứ vào Phiếu xác minh số 123/2017/PYCXM ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận X do Công an phường Tân Kiểng, Quận X xác nhận: ông Dương Đình Đ và bà Đỗ Thị Mộng T có hộ khẩu thường trú tại số 95/59/15 Lê Văn Lương, Tổ 12, Khu phố 1, phường Tân Kiểng, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đã bán nhà và đi đâu không rõ. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng theo quy định và cho thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để thông báo việc tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; triệu tập đến Tòa giải quyết vụ kiện; Thông báo về việc giao nộp, kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, đối với ông Dương Đình Đ và bà Đỗ Thị Mộng T theo quy định tại Điều 180 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do ông Dương Đình Đ và bà Đỗ Thị Mộng T đã được Tòa án triệu tập, niêm yết và thông báo hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà T theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 18/5/2011, ông Dương Đình Đ, bà Đỗ Thị Mộng T và Ngân hàng TMCP A thỏa thuận cấp thẻ tín dụng số 4791392600017905 ngày 01/6/2011 cho ông Đ và bà T với hạn mức 50.000.000 đồng, thời hạn 3 năm. Căn cứ bản chi tiết quá trình sử dụng thẻ tín dụng (từ ngày 20/4/2011 đến ngày 20/4/2016) ông Đ, bà T sử dụng tổng số tiền nợ gốc 49.735.785 đồng, đã trả được 25.560.00 đồng, còn nợ lại 24.175.785 đồng.

[6] Xét nợ lãi, do bên vay vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên toàn bộ nợ vay chuyển sang quá hạn kể từ ngày 23/3/2015. Tính đến ngày 26/9/2017 lãi quá hạn là 34.833.157 đồng, với mức lãi suất 38,7%/năm, là cao hơn 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng theo quy định của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”. Ngân hàng TMCP A có chức năng hoạt động tín dụng, đồng thời hợp đồng thỏa thuận cấp thẻ tín dụng số 4791392600017905 ngày 01/6/2011 là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên về nợ gốc, lãi vay quá hạn, không trái với quy định của pháp luật. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền tính đến ngày 26/9/2017 tổng cộng gốc lãi là 59.008.942 (Năm mươi chín triệu không trăm lẻ tám ngàn chín trăm bốn mươi hai) đồng là có cơ sở chấp nhận.

[7] Về thời hạn trả nợ: Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ đã lâu, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả nợ quá hạn và lãi một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải án phí do yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận theo quy định Khoản 4 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ nêu trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A.

Buộc ông Dương Đình Đ và bà Đỗ Thị Mộng T phải liên đới trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ gốc, lãi tính đến ngày 26/9/2017 là 59.008.942 (Năm mươi chín triệu không trăm lẻ tám ngàn chín trăm bốn mươi hai) đồng.

Kể từ ngày 27/9/2017, ông Dương Đình Đ và bà Đỗ Thị Mộng T còn phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn theo bản Điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ, Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng ngày 18/5/2011 của Ngân hàng TMCP A cho đến khi thanh toán hết nợ.

**2. Về án phí sơ thẩm:**

Ông Dương Đình Đ và bà Đỗ Thị Mộng T phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.950.447 (Hai triệu chín trăm năm mươi ngàn bốn trăm bốn mươi bảy) đồng.

Ngân hàng TMCP A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí 1.327.640 (Một triệu ba trăm hai mươi bảy ngàn sáu trăm bốn mươi) đồng theo biên lai thu số AA/2012/07879 ngày 24/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Quyền kháng cáo:** Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận X;
- Chi cục THADS Quận X;
- Đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Thị Phơ**